FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long (HSX: TLD)

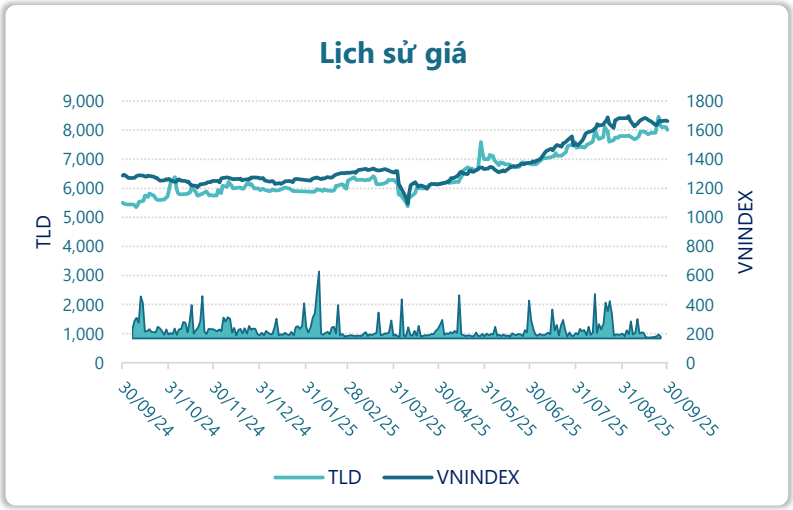

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,010**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,460
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,350
SL cổ phiếu LH	77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	397,960
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	623
P/E	34.0
EPS	236

DT thuần

Q3/25

107

tỷ VNĐ

QoQ: ▼71.0| -39.9%

YoY: ▼39.0| -26.7%

LN sau thuế

Q3/25

5.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.05| -16.9%

YoY: ▲ 0.81| 18.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.5%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

9T 2025

408

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -3.8%

LN sau thuế

9T 2025

13.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.60| -4.1%

ROE

Q3/25

2.0%

+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh

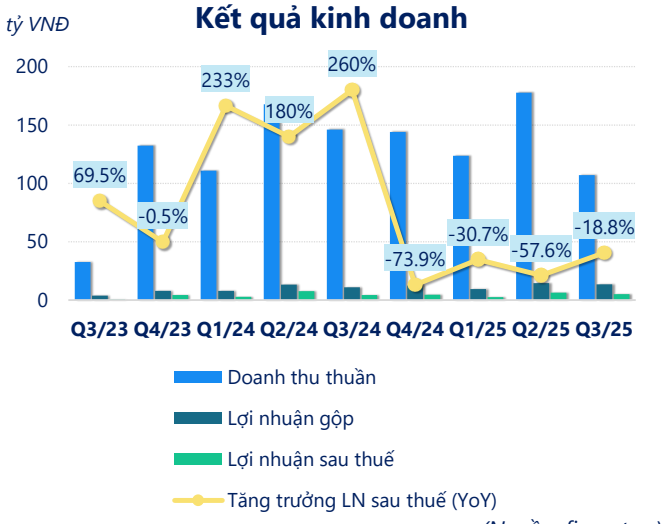

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

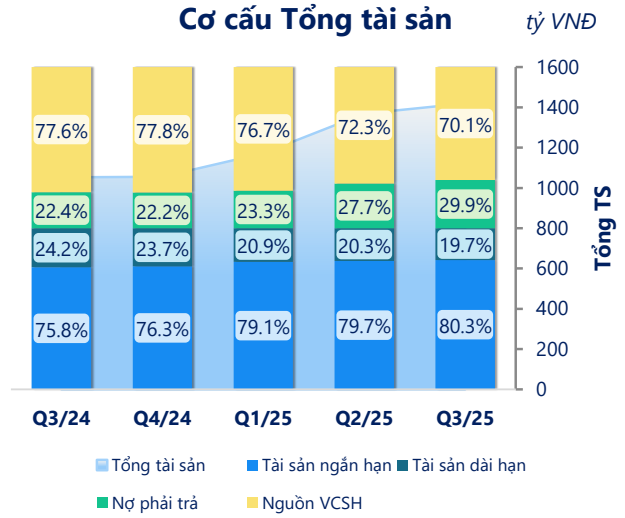

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

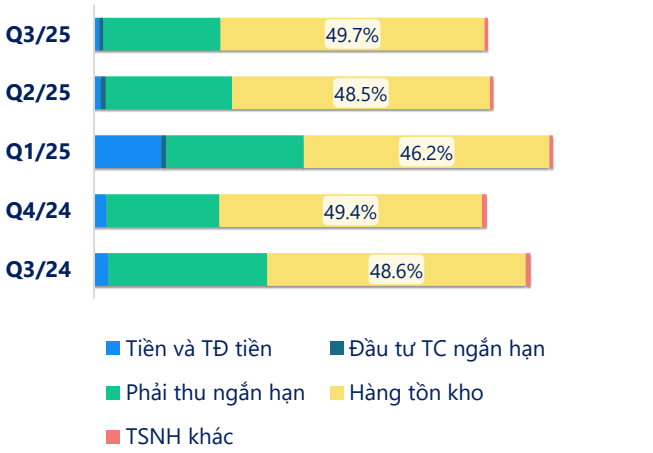

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

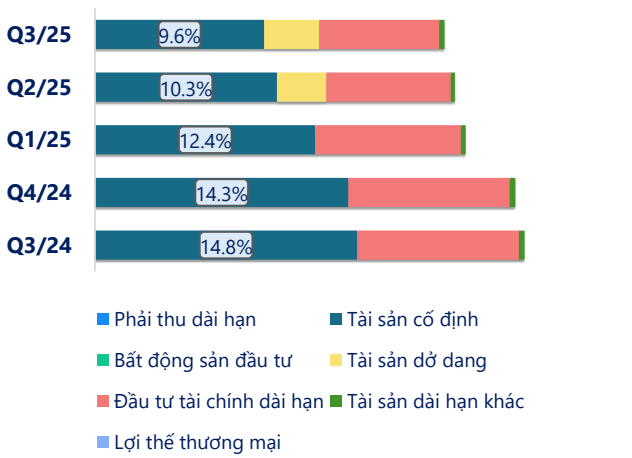

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

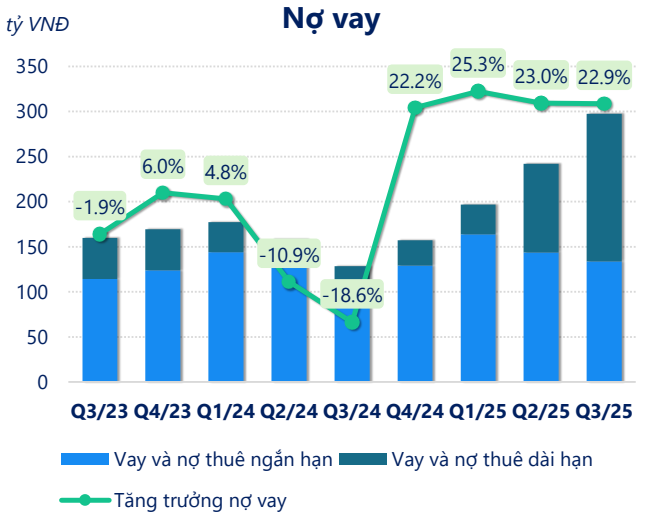

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

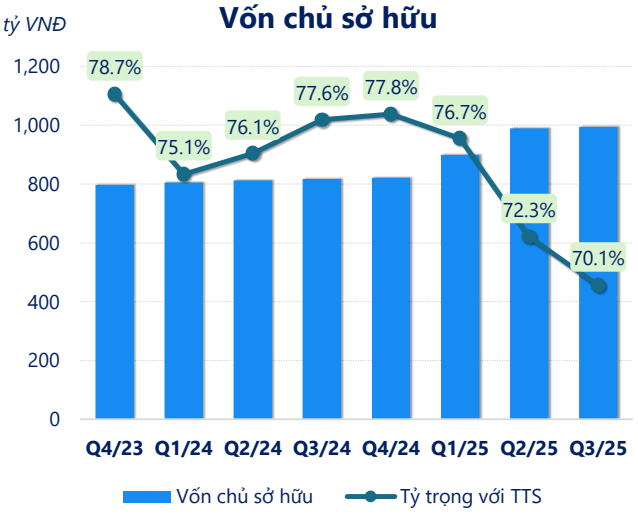

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

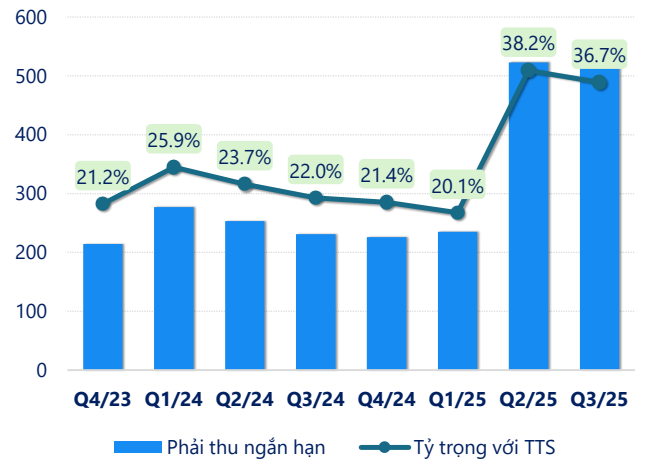

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

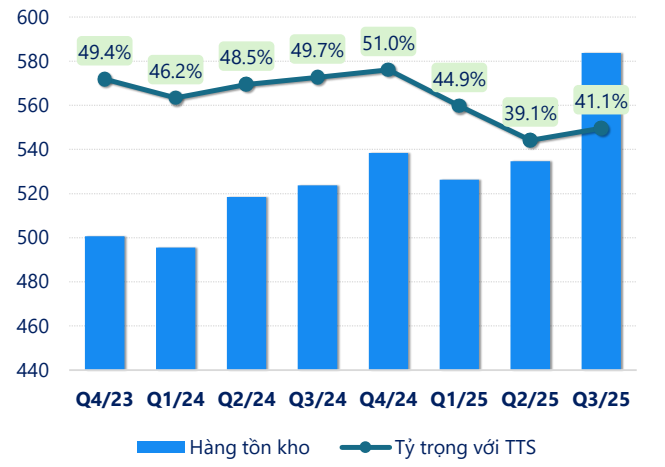

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

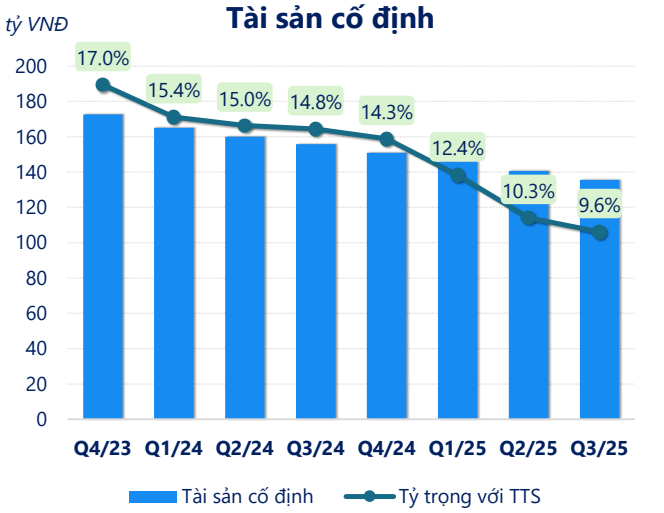

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

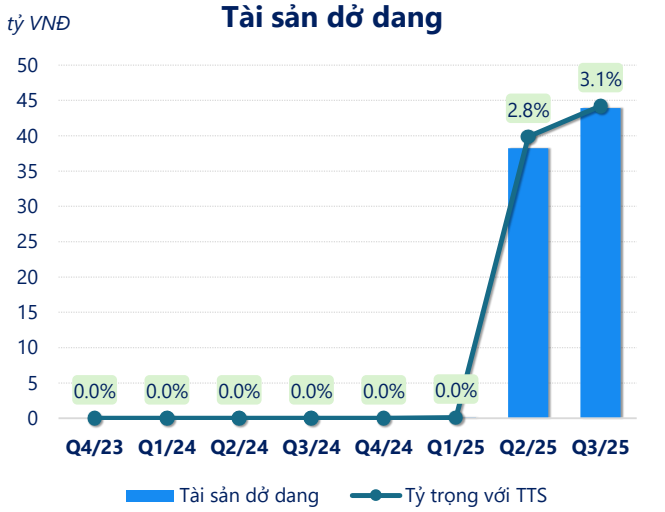

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

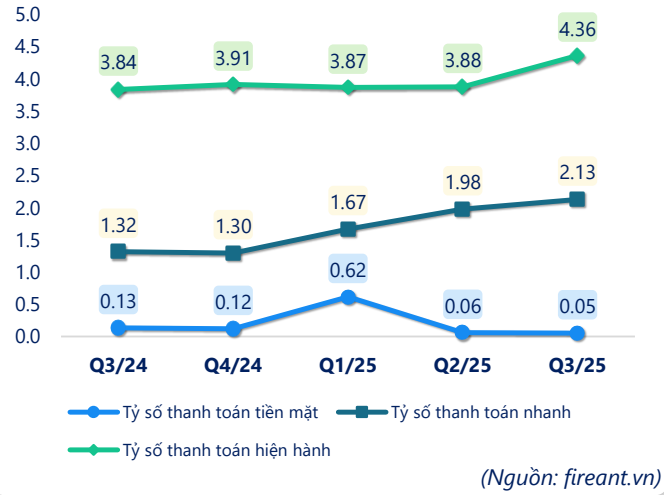

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

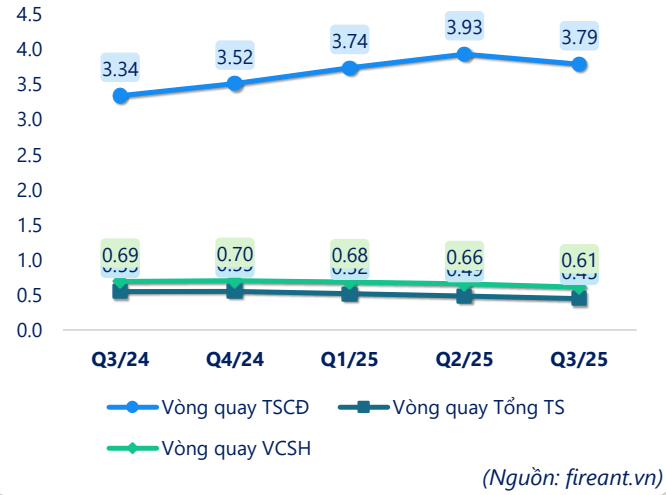

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,053**	**1,055**	**1,172**	**1,369**	**1,419**
Tài sản ngắn hạn	**798**	**805**	**927**	**1,091**	**1,140**
Tiền và tương đương tiền	27.7	24.7	148	16.7	13.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.63	8.79	9.36	3.44	3.44
Phải thu ngắn hạn	231	226	235	523	520
Hàng tồn kho	524	538	526	535	584
Tài sản ngắn hạn khác	6.30	7.14	8.24	13.5	18.4
Tài sản dài hạn	**255**	**250**	**245**	**278**	**280**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	156	151	146	141	136
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.09	38.2	43.9
Đầu tư tài chính dài hạn	96.0	96.0	96.0	96.0	96.1
Tài sản dài hạn khác	3.44	3.34	3.19	3.23	4.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**236**	**234**	**273**	**380**	**425**
Nợ ngắn hạn	**208**	**206**	**240**	**281**	**261**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	100	129	164	144	134
Phải trả người bán ngắn hạn	99.1	67.0	62.9	83.8	69.5
Nợ dài hạn	28.1	28.1	32.9	98.2	164
Vay và nợ thuê dài hạn	28.1	28.1	32.9	98.2	164
Nguồn vốn chủ sở hữu	**817**	**821**	**899**	**989**	**995**
Vốn chủ sở hữu	**817**	**821**	**899**	**989**	**995**
Vốn điều lệ	777	777	777	777	777
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)